

Số: 2072 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 17 tháng 7 năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ  
lĩnh vực Công Thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

#### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/7/2017 hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;*

*Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương và các văn bản pháp luật liên quan;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1363/TTr-SCT ngày 23/6/2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực Công Thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Công Thương tổ chức thực hiện việc công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực Công Thương theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các nội dung liên quan tại các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố: số 685/QĐ-CT ngày 29/3/2019 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh

vực Công Thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 2839/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực Công Thương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Đài PTTHHP, Báo HP, Báo ANHP;
- Công TTĐTTP;
- Các Phòng: KSTTHC, XDGTCT, NC&KTGS;
- CV: NV2;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Tùng**

## PHỤ LỤC

### DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ DANH MỤC CÔNG BỐ LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 20.72./QĐ-UBND ngày 17/7/2020  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

-----

#### I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ( 39 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	Dịch vụ bưu chính công ích	
<b>Thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở</b>							
<b>I. Lĩnh vực an toàn thực phẩm</b>							
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	25 ngày làm việc	Sở Công Thương	-Đối với cơ sở kinh doanh: 1.000.000đ - Đối với cơ sở vừa sx vừa kinh doanh: 3.500.000đ	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội; -Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ; -Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương; -Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 14/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; -Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của

						<p>Bộ Tài chính;</p> <p>-Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</p> <p>-Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</p>
2	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm <i>do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực</i>	25 ngày làm việc	Sở Công Thương	-Đối với cơ sở kinh doanh: 1.000.000đ - Đối với cơ sở vừa sx vừa kinh doanh: 3.500.000đ	Nộp hồ sơ và trả kết quả	<p>- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội;</p> <p>-Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ;</p> <p>-Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương;</p> <p>-Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 14/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;</p> <p>-Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>-Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</p> <p>- Nghị định số</p>

							17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
3	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng.	03 ngày làm việc	Sở Công Thương	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	<p>- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội;</p> <p>-Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ;</p> <p>-Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương;</p> <p>-Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 14/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;</p> <p>-Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>-Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</p>
4	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do cơ sở có thay đổi tên cơ sở	03 ngày làm việc	Sở Công Thương	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<p>- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội;</p> <p>-Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày</p>

	<i>nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</i>					<p>02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ;</p> <p>-Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương;</p> <p>-Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 14/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;</p> <p>-Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>-Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</p>
5	<i>Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</i>	03 ngày làm việc	Sở Công Thương	Không		<p>Nộp hồ sơ và trả kết quả</p> <p>- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội;</p> <p>-Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ;</p> <p>-Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương;</p> <p>-Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 14/9/2019 của</p>

						<p>Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;</p> <p>-Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>-Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</p>
6	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm	25 ngày làm việc	Sở Công Thương	Đối với cơ sở SX: 2.500.000đ	Mức độ 3	<p>Nộp hồ sơ và trả kết quả</p> <p>- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội;</p> <p>-Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ;</p> <p>-Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương;</p> <p>-Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 14/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;</p> <p>-Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>-Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số</p>

							<p>điều Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</p>
7	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm <i>do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực</i>	25 ngày làm việc	Sở Công Thương	Đối với cơ sở SX: 2.500.000đ		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<p>- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội;</p> <p>-Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ;</p> <p>-Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương;</p> <p>-Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 14/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;</p> <p>-Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>-Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</p>
8	Cấp lại giấy	03 ngày làm việc	Sở Công Thương	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật An toàn thực phẩm số



	chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm do giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng.					<p>và trả kết quả</p> <p>55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội;</p> <p>-Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ;</p> <p>-Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương;</p> <p>-Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 14/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;</p> <p>-Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>-Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</p>
9	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm do cơ sở có thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản	03 ngày làm việc	Sở Công Thương	Không		<p>Nộp hồ sơ và trả kết quả</p> <p>- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội;</p> <p>-Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ;</p> <p>-Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm</p>

	xuất, mặt hàng kinh doanh					<p>2018 của Bộ Công Thương;</p> <p>-Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 14/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;</p> <p>-Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>-Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</p>
10	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh	03 ngày làm việc	Sở Công Thương	Không		<p>Nộp hồ sơ và trả kết quả</p> <p>- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội;</p> <p>-Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ;</p> <p>-Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương;</p> <p>-Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 14/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;</p> <p>-Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của</p>

							<p>Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</p>
<b>II. Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước</b>							
11	Cấp Giấy phép bán buôn rượu	15 ngày làm việc	Sở Công Thương	1.200.000đ	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	<p>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>
12	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu	07 ngày làm việc	Sở Công Thương	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<p>Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung</p>

							một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
13	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu	07 ngày làm việc	Sở Công Thương	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	<p>Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>
14	Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Sở Công Thương	1.200.000đ	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	<p>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/ 02/2020 của Chính phủ</p> <p>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương</p> <p>- Thông tư số</p>

							168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính
15	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Sở Công Thương	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ ;</li> <li>- Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/ 02/2020 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương</li> </ul>
16	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá trong trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.	15 ngày làm việc	Sở Công Thương	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ ;</li> <li>- Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/ 02/2020 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/ 12/2018 của Bộ Công Thương</li> </ul>
<b>III. Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng</b>							

17	Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 ngày làm việc	Sở Công Thương	2.200.000đ	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ ;</li> <li>- Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/ 02/2020 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/ 12/2018 của Bộ Công Thương</li> <li>- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính</li> </ul>
18	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày làm việc	Sở Công Thương	2.200.000đ	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ ;</li> <li>- Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/ 02/2020 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/ 12/2018 của Bộ Công Thương</li> </ul>

							- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính
19	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá trong trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.	15 ngày làm việc	Sở Công Thương	2.200.000đ	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ ; - Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/ 02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/ 12/2018 của Bộ Công Thương - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính
20	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	10 ngày làm việc	Sở Công Thương	2.200.000đ	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ ; - Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/ 02/2020 của Chính phủ

							<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/ 12/2018 của Bộ Công Thương</li> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính</li> </ul>
21	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc	Sở Công Thương	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ ;</li> <li>- Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/ 02/2020 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/ 12/2018 của Bộ Công Thương</li> </ul>
22	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá trong trường hợp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.	15 ngày làm việc	Sở Công Thương	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ ;</li> <li>- Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/ 02/2020 của Chính phủ</li> </ul>



							- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/ 12/2018 của Bộ Công Thương
<b>IV. Lĩnh vực xúc tiến thương mại</b>							
23	Xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại hàng năm	7 ngày làm việc	Sở Công Thương	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/ 02/2020 của Chính phủ
24	Xác nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại hàng năm	7 ngày làm việc	Sở Công Thương	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/ 02/2020 của Chính phủ
<b>V. Lĩnh vực kinh doanh khí, xăng dầu</b>							
25	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	15 ngày làm việc	Sở Công Thương	1.200.000đ	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài Chính - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;
26	Cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng	7 ngày làm việc	Sở Công Thương	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	-Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày

	nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG					và trả kết quả	15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài Chính - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;
--	--	--	--	--	--	----------------	---

#### VI. Lĩnh vực xuất nhập khẩu

27	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu D	6 giờ làm việc đối với hồ sơ nộp trên hệ thống điện tử. - 2 giờ làm việc đối với trường hợp nhận được Đơn đề nghị bằng bản giấy đính kèm hồ sơ trên hệ thống điện tử; - 8 giờ làm việc đối với hồ sơ nộp trực tiếp ; - 24 giờ làm việc theo ngày ghi trên bì thư đối với hồ sơ gửi	Sở Công Thương	Không	Mức độ 4	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; - Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; - Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016; - Hiệp định Thương mại hàng hóa ký ngày 26/02/2009; - Thông tư số 10/2019/TT-BCT ngày 22/7/2019; - Thông tư số 25/2019/TT-BCT ngày 14/11/2019. - Quyết định số 3264/QĐ – BCT ngày 09/12/2019 của Bộ Công Thương
----	---	---	----------------	-------	----------	--------------------------	---

		qua bưu điện.					
28	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu E	6 giờ làm việc đối với hồ sơ nộp trên hệ thống điện tử. - 2 giờ làm việc đối với trường hợp nhận được Đơn đề nghị bằng bản giấy đính kèm hồ sơ trên hệ thống điện tử; - 8 giờ làm việc đối với hồ sơ nộp trực tiếp ; - 24 giờ làm việc theo ngày ghi trên bì thư đối với hồ sơ gửi qua bưu điện.	Sở Công Thương	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; - Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; - <b>Thông tư số 12/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019.</b>
29	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AK	6 giờ làm việc đối với hồ sơ nộp trên hệ thống điện tử. - 2 giờ làm việc đối với trường hợp nhận được Đơn đề nghị bằng bản giấy đính kèm hồ sơ trên hệ thống điện	Sở Công Thương	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; - Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; - Thông tư số 26/2018/TT-BCT ngày 14/9/2018 sửa đổi, bổ sung phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25/6/2014; - Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25/6/2014;

		<p>từ;</p> <p>- 8 giờ làm việc đối với hồ sơ nộp trực tiếp ;</p> <p>- 24 giờ làm việc theo ngày ghi trên bì thư đối với hồ sơ gửi qua bưu điện.</p>					<p>- Thông tư số 04/2015/TT-BCT ngày 16/3/2015 sửa đổi, bổ sung Quy tắc cụ thể mặt hàng ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25/6/2014;</p> <p>- Hiệp định Thương mại hàng hóa ngày 24/8/2006;</p> <p>- Thư phê chuẩn của Ủy ban thực thi Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc ngày 27/6/2013;</p> <p>- <b>Thông tư số 13/2019/TT-BCT ngày 31/7/2019.</b></p>
30	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AANZ	<p>6 giờ làm việc đối với hồ sơ nộp trên hệ thống điện tử.</p> <p>- 2 giờ làm việc đối với trường hợp nhận được Đơn đề nghị bằng bản giấy đính kèm hồ sơ trên hệ thống điện tử;</p> <p>- 8 giờ làm việc đối với hồ sơ nộp trực tiếp ;</p> <p>- 24 giờ làm việc theo ngày ghi trên bì thư đối với hồ sơ gửi qua bưu điện.</p>	Sở Công Thương	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	<p>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018;</p> <p>- Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018;</p> <p>- Thông tư số 42/2018/TT-BCT ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2015/TT-BCT;</p> <p>- Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24/9/2015;</p> <p>- Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN-Úc &amp; Niu-Di-lân ký ngày 27/02/2009;</p> <p>- Nghị định thứ nhất sửa đổi Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN-Úc &amp; Niu-Di-lân ký ngày 26/8/2014;</p> <p>- <b>Thông tư số 07/2020/TT-BCT ngày 30/3/2020.</b></p>

31	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP	6 giờ làm việc đối với hồ sơ nộp trên hệ thống điện tử. - 2 giờ làm việc đối với trường hợp nhận được Đơn đề nghị bằng bản giấy đính kèm hồ sơ trên hệ thống điện tử; - 8 giờ làm việc đối với hồ sơ nộp trực tiếp ; - 24 giờ làm việc theo ngày ghi trên bì thư đối với hồ sơ gửi qua bưu điện.	Sở Công Thương	Không	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018;</li> <li>- Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018;</li> <li>- Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22/01/2019;</li> <li>- Thông tư số 06/2020/TT-BCT ngày 24/03/2020.</li> </ul>
----	---	---	----------------	-------	----------	--------------------------	--

**VI. Lĩnh vực điện, năng lượng mới, năng lượng tái tạo**

32	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương  <i>(Do thay đổi yêu cầu, điều kiện cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện)</i>	14 ngày làm việc	Sở Công Thương	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: 800.000đ/ giấy phép	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Điện lực;</li> <li>- Nghị định số 137/2013/NĐ - CP ngày 21/10/2013;</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ - CP ngày 15/01/2018 ;</li> <li>- Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư</li> </ul>
----	--	------------------	----------------	---	----------	--------------------------	---

							kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
33	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương <i>(Do thay đổi yêu cầu, điều kiện cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện)</i>	14 ngày làm việc	Sở Công Thương	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: 400.000đ/giấy phép	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Điện lực; - Nghị định số 137/2013/NĐ - CP ngày 21/10/2013; - Nghị định số 08/2018/NĐ - CP ngày 15/01/2018 ; - Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
34	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương <i>(Do thay đổi yêu cầu, điều kiện cấp giấy phép hoạt động phát điện)</i>	15 ngày làm việc	Sở Công Thương	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: 2.100.000đ/giấy phép		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Điện lực; - Nghị định số 137/2013/NĐ - CP ngày 21/10/2013; - Nghị định số 08/2018/NĐ - CP ngày 15/01/2018 ; - Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
35	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW	15 ngày làm việc	Sở Công Thương	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: 1.050.000đ/giấy phép		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Điện lực; - Nghị định số 137/2013/NĐ - CP ngày 21/10/2013; - Nghị định số 08/2018/NĐ - CP

	đặt tại địa phương (Do thay đổi yêu cầu, điều kiện cấp giấy phép hoạt động phát điện)						ngày 15/01/2018 ; - Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
36	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương (Do thay đổi yêu cầu, điều kiện cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện)	12 ngày làm việc	Sở Công Thương	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: 700.000đ/ giấy phép	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Điện lực; - Nghị định số 137/2013/NĐ - CP ngày 21/10/2013; - Nghị định số 08/2018/NĐ - CP ngày 15/01/2018 ; - Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
37	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương (Do thay đổi yêu cầu, điều kiện cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện)	12 ngày làm việc	Sở Công Thương	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: 350.000đ/ giấy phép	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Điện lực; - Nghị định số 137/2013/NĐ - CP ngày 21/10/2013; - Nghị định số 08/2018/NĐ - CP ngày 15/01/2018 ; - Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan

							đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
38	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương <i>(Do thay đổi yêu cầu, điều kiện cấp giấy phép hoạt động phân phối điện)</i>	14 ngày làm việc	Sở Công Thương	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: 800.000đ/ giấy phép	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Điện lực; - Nghị định số 137/2013/NĐ - CP ngày 21/10/2013; - Nghị định số 08/2018/NĐ - CP ngày 15/01/2018 ; - Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
39	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương <i>(Do thay đổi yêu cầu, điều kiện cấp giấy phép hoạt động phân phối điện)</i>	14 ngày làm việc	Sở Công Thương	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: 400.000đ/ giấy phép	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Điện lực; - Nghị định số 137/2013/NĐ - CP ngày 21/10/2013; - Nghị định số 08/2018/NĐ - CP ngày 15/01/2018 ; - Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương



## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỔ SUNG (03 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	Dịch vụ bưu chính công ích	
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở</b>							
1	Cấp chứng thư xuất khẩu	- 8 giờ làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ của thương nhân và trả chứng thư xuất khẩu trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày thông báo chấp nhận cấp Chứng thư xuất khẩu.	Sở Công Thương	Không	Mức độ 3 Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử <a href="http://www.e-cosys.gov.vn">www.e-cosys.gov.vn</a>	Nộp hồ sơ và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quản lý ngoại thương ngày 16/6/2017;</li> <li>- Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12/11/2018 của Quốc hội về việc phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương và các văn kiện có liên quan;</li> <li>- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;</li> <li>- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19/4/2019 quy</li> </ul>

							định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương.
2	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AHK	- 6 giờ làm việc đối với hồ sơ nộp trên hệ thống điện tử. - 2 giờ làm việc đối với trường hợp nhận được Đơn đề nghị bằng bản giấy đính kèm hồ sơ trên hệ thống điện tử; - 8 giờ làm việc đối với hồ sơ nộp trực tiếp ; - 24 giờ làm việc theo ngày ghi trên bì thư đối với hồ sơ gửi qua bưu điện.	Sở Công Thương	Không	Mức độ 3 Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử www.ecosys.gov.vn	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; - Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018; - Thông tư số 21/2019/TT-BCT ngày 08/11/2019; - Hiệp định Thương mại tự do ASEAN – Hồng Kông, Trung Quốc chính thức có hiệu lực đối với Việt Nam kể từ ngày 11/6/2019.
3	Cấp thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy	05 ngày làm việc	Sở Công Thương	150.000 đồng	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày

						<p>kết quả</p> <p>21/11/2007.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006.</li> <li>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ KH và Công nghệ;</li> <li>- Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ KH và Công nghệ;</li> <li>- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016;</li> <li>- Thông tư số 29/2016/TT-BCT ngày 13/12/2016;</li> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BCT ngày 28/12/2018.</li> <li>- Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019 của Bộ Công Thương;</li> </ul>
--	--	--	--	--	--	---

### III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ (02 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung	Ghi chú
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở</b>			
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực ATTP</b>		
1	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm)	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	Được thay thế bởi Theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực KHCN</b>		
1	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019 của Bộ Công Thương Quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương	